

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1997 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K1, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Đ1, phường Đ2, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Ngọc S có tìm hiểu nhau khoảng 7-8 tháng. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 19/6/2018 tại UBND phường Đ2. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà nội chồng tại đường Đ1,

phường Đ2, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng có hạnh phúc. Tuy nhiên, sống chung với ông bà nội chồng không thoải mái. Ông bà nội chồng rất khó chịu. Nguyên nhân là do chị mang thai trước khi kết hôn nên ông bà nội chồng chửi mắng và xúc phạm chị. Về phần anh S, từ khi cưới nhau thì anh S không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con. Thời gian rảnh thì anh S còn hút thuốc cỏ. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh S không chịu thay đổi, có lần anh S còn đánh chị. Khoảng tháng 10/2018 đến nay cả hai vợ chồng không còn sống chung. Cha mẹ hai bên cũng có động viên hai vợ chồng trở lại sống chung nhưng chị không đồng ý. Chị xác định không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K2, sinh ngày: 09/7/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Đăng K2, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Đăng K2 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên miễn xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng

Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, anh Nguyễn Ngọc S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc S đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND phường Đ2, thị xã A nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S được pháp luật công nhận.

Hạnh phúc vợ chồng chỉ thực sự được duy trì khi cả hai cùng thương yêu, chăm sóc, tôn trọng, sống chung với nhau và cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, chị Đ và anh S đã xảy ra mâu thuẫn. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi cưới, chị Đ và anh S chỉ tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn nên giữa họ chưa thực sự hiểu nhau và sẵn sàng cho cuộc hôn nhân bền vững. Trong khoảng thời gian sống chung rất ngắn kể từ khi đăng ký kết hôn, cả hai vợ chồng không thể giữ được hạnh phúc, không thể cùng nhau nhẫn nhịn để dung hòa những mâu thuẫn mà tiếp tục sống chung. Khi xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Đ và anh S đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 10/02/2020, người làm chứng cung cấp anh S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và cũng đã thể hiện ý chí thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Đ nhưng cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K2, sinh ngày: 09/7/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị Đ. Chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Đăng K2 và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh S không thể hiện ý kiến về phần con chung nhưng cháu Nguyễn Hoàng Đăng K2 chưa đủ 36 tháng tuổi và chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu nuôi con của chị Đ là có căn cứ chấp nhận. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh S.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung.

[2.4] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Đ phải chịu 300.000đ.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Ngọc S.

**2. Về con chung:** Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K2, sinh ngày: 09/7/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị Đ.

Giao cháu Nguyễn Hoàng Đăng K2 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh S vì chị Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004862 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A;
- UBND phường Đ2;
- Lưu Văn phòng, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Thái Văn Hà**